

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX
(Cafatex Corporation)



Tháng 4 / 2004

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên Công ty và hình thức

1) Tên Công ty: Công ty cổ phần thủy sản Cafatex

Gọi tắt là:

Tên giao dịch đối ngoại: *Cafatex Fishery Joint Stock Co.*

Tên giao dịch viết tắt: *Cafatex Corporation* (Cafatex Corp.)

2) Điện thoại: (071)846134 fax : (071)847775

3) Biểu tượng (Logo):



4) Hình thức: Công ty cổ phần thủy sản Cafatex là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ một Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12/6/1999.

Điều 2. Trụ sở, địa bàn hoạt động

1. Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Km 2081, Quốc lộ 1A, Hậu Giang, Việt Nam.

2. Công ty có 1 xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp thủy sản Tây Đô

Tên giao dịch đối ngoại : *Taydo Seafood Enterprise*

Tên giao dịch viết tắt : *Taydo Seafood*

Địa chỉ: Xã Tân Phú Thạnh, Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.

3. Công ty có 1 chi nhánh : Chi nhánh Công ty cổ phần thủy sản Cafatex tại TP Hồ Chí Minh .

Tên giao dịch viết tắt : *Cafatex Saigon* (CASCO)

Địa chỉ : 102A, phố Mỹ Hưng, đại lộ Nguyễn Văn Linh, Nam Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điều 3. Tư cách pháp nhân

Công ty cổ phần thủy sản Cafatex

- 3.1 Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 3.2 Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- 3.3 Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- 3.4 Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ .
- 3.5 Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính .
- 3.6 Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Điều 4. Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty

4.1 Mục tiêu

Mục tiêu của Công ty là tập trung huy động các nguồn lực : Vốn, công nghệ, nhân lực cao nhất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường để thu được lợi nhuận tối đa, tạo việc làm và tăng thu nhập ổn định cho người lao động, để tăng lợi tức cho các cổ đông, hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước, tiếp tục phát triển tăng thêm giá trị thương hiệu *Cafatex Corporation*, phát triển Công ty bền vững và lâu dài.

4.2 Chức năng kinh doanh của Công ty

- a) Nuôi trồng, khai thác, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy súc sản xuất khẩu.
- b) Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối sản phẩm nông, thủy, súc sản qua chế biến, đóng gói, thực phẩm, hàng tiêu dùng khác cho thị trường trong và ngoài nước.
- c) Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối các loại vật tư, thiết bị, máy móc, công cụ cho ngành nuôi trồng, khai thác, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản cho thị trường trong và ngoài nước.
- d) Cung cấp dịch vụ thiết kế, lắp đặt, bảo trì thiết bị, máy móc, công cụ cơ điện lạnh cho các nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm xuất khẩu trong và ngoài nước.
- e) Chức năng kinh doanh của Công ty có thể mở rộng hoặc thu hẹp hay thay đổi theo quyết định của Đại hội cổ đông và luật pháp cho phép.

6A
C
C
TH
C
U TH

Điều 5. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần thủy sản Cafatex là 30 năm (kể từ ngày ghi trong Quyết định chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần của cấp có thẩm quyền). Việc chấm dứt trước thời hạn hoặc gia hạn thêm theo quyết định của Đại hội cổ đông và theo luật pháp quy định.

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty

6.1 Công ty cổ phần thủy sản Cafatex hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện và tuân thủ pháp luật.

6.2 Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội cổ đông (ĐHCĐ); ĐHCĐ bầu ra Hội đồng quản trị để lãnh đạo Công ty giữa 02 kỳ Đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh của Công ty .

6.3 Quản lý, điều hành hoạt động của Công ty là Tổng giám đốc công ty, Tổng giám đốc công ty do Hội đồng Quản trị công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Điều 7. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác

Các tổ chức : Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

Công ty cổ phần thủy sản Cafatex tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng và điều lệ của mình.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

MỤC I : QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

Điều 8. Quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của Công ty

8.1 Công ty có toàn quyền sở hữu, sử dụng vốn do các cổ đông góp, đất đai và tài nguyên được giao quyền sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

8.2 Tổ chức bộ máy quản trị, tổ chức kinh doanh theo mục tiêu và chức năng của Công ty. Thực hiện quyền sáp nhập, chia tách và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc trong Công ty.

8.3 Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước; Công ty được *trực tiếp xuất nhập khẩu*.

8.4 Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ.

8.5 Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn, quy mô để đầu tư, mua, thuê tài sản, liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, mua cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

8.6 Tuyển chọn, thuê mướn, sử dụng, đào tạo, cho thôi việc và lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng cho người lao động và các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ Luật lao động.

8.7 Các quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh khác theo quy định của luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Quyền quản lý tài chính của Công ty

9.1 Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh và đầu tư theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi.

9.2 Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất.

9.3 Phát hành, chuyển nhượng, bán, hoặc mua các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật; được thế chấp giá trị "*quyền sử dụng đất*" thuộc quyền sở hữu của Công ty tại các ngân hàng để vay vốn

kinh doanh; được chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty cho cá nhân hay pháp nhân khác có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

9.4 Quyết định sử dụng và phân phối phần thu nhập còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

9.5 Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định của pháp luật.

MỤC II : NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Nghĩa vụ quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty

10.1 Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký.

10.2 Xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm theo mục tiêu, chức năng của Công ty và theo nhu cầu thị trường.

10.3 Chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về các sản phẩm, dịch vụ do Công ty cung cấp.

10.4 Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

10.5 Chấp hành các quy định về chế độ tuyển dụng lao động, hợp đồng lao động, quản lý và sử dụng lao động theo Bộ luật lao động.

10.6 Chấp hành luật pháp về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, an ninh quốc gia, an toàn trật tự xã hội và công tác phòng cháy chữa cháy.

Điều 11. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

11.1 Thực hiện chế độ quản lý vốn, tài sản, quỹ; hạch toán, thống kê, chế độ kiểm toán do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty.

11.2 Bảo toàn và phát triển vốn.

11.3 Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm thành lập.

33
N
X
H

11.4 Công bố các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

11.5 Thực hiện đăng ký thuế, tự khai thuế, và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

11.6 Công ty *chịu trách nhiệm hữu hạn* về vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG III VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

MỤC I: VỐN

Điều 12. Vốn điều lệ

12.1 Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật, công nghệ và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng.

12.2 Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là : 49.404.825.769 đồng.

Trong đó:

- Vốn góp bằng tiền: 49.404.825.769 đồng.

12.3 Cơ cấu vốn phân theo sở hữu.

- Vốn thuộc sở hữu Nhà nước là 14.327.399.473 đồng, chiếm 29 % vốn điều lệ.

- Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông CB CNV trong Công ty là 27.078.785.004 đồng, chiếm 54,81 % vốn điều lệ (Trong đó tổng mệnh giá cổ phần ưu đãi CBCNV là 8.023.100.000 đồng).

- Vốn thuộc sở hữu của cổ đông bên ngoài Công ty là 7.998.641.292 đồng, chiếm 16,19 % vốn điều lệ (tương đương 30% vốn điều lệ trừ cổ phần thuộc sở hữu nhà nước và cổ phần ưu đãi của CBCNV - theo đúng tinh thần Nghị định 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ về việc chuyển DNNN thành CTCP).

- Giá trị thực tế phân vốn của Nhà nước tại Doanh nghiệp vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa (31/12/2002) là 89.818.107.995 đồng. Phần vốn Nhà nước còn lại 40.413.282.226 đồng, Công ty cổ phần sẽ hoàn trả lại cho Nhà nước.



12.4 Việc tăng giảm vốn điều lệ do Đại hội cổ đông quyết định và theo quy định của pháp luật.

12.5 *Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh và đầu tư như:*

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị cần thiết cho Công ty.
- Phát triển kỹ thuật, nghiệp vụ.
- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.
- Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.
- Kinh doanh theo các nội dung hoạt động của Công ty.
- Sử dụng vào mục đích khác theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và phù hợp với pháp luật.

12.6 Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội cổ đông quyết định khác và không trái luật pháp).

MỤC II : CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 13. Cổ phần, cổ phiếu

13.1 *Cổ phần :*

Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là *Cổ phần*. Công ty cổ phần thủy sản Cafatex có 494.048 cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá 100.000 đồng tại thời điểm thành lập, các cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

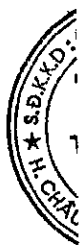
Cổ phần của Nhà nước trong Công ty cổ phần thủy sản Cafatex là cổ phần không chi phối khi thực hiện các quyền theo luật định .

13.2 *Cổ phiếu :*

Giấy chứng nhận quyền sở hữu về số lượng, giá trị cổ phần do Công ty phát hành được gọi là *Cổ phiếu*. Công ty cổ phần thủy sản Cafatex chỉ phát hành duy nhất 1 loại cổ phiếu phổ thông gồm: Cổ phiếu phổ thông ghi danh và cổ phiếu phổ thông không ghi danh .

13.2.1 *Cổ phiếu phổ thông ghi danh:*

- a) Là cổ phiếu Nhà nước chủ sở hữu.
- b) Là số cổ phiếu thành viên Hội đồng quản trị chủ sở hữu đảm bảo theo khoản 29.1 điều 29; tức tối thiểu phải sở hữu cổ phần phổ thông ghi danh từ 0,5% vốn điều lệ trở lên.



c) Là số cổ phiếu Trưởng ban kiểm soát chủ sở hữu đảm bảo theo khoản 43.3 điều 43; tức tối thiểu phải sở hữu cổ phần phổ thông ghi danh từ 0,5% vốn điều lệ trở lên.

- Mỗi cổ phiếu phổ thông ghi danh phải ghi rõ tên, địa chỉ của pháp nhân hay cá nhân sở hữu, được đóng dấu của Công ty cổ phần thủy sản Cafatex, ghi rõ số cổ phiếu, loại cổ phiếu và số tiền đóng góp.

- Việc chuyển nhượng cổ phiếu phổ thông ghi danh phải tuân theo các quy định tại điều 14 của Bản điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

13.2.2 Cổ phiếu phổ thông không ghi danh:

- Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng được quy định tại khoản 13.2.1 nêu trên.

- Cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng vốn điều lệ.

- Cổ phiếu phổ thông ghi danh đã được chuyển nhượng theo quy định tại điều lệ này.

13.3 Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và mỗi cổ phiếu phổ thông đều có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được đóng dấu Công ty .

13.4 Nếu cổ phiếu mờ, rách, hư hỏng hoặc bị mất được xin đổi hoặc được cấp lại cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải chịu mọi phí tổn lập cổ phiếu mới.

Điều 14. Chuyển nhượng hoặc bán lại cổ phần

14.1 *Cổ phiếu phổ thông không ghi danh* do Công ty phát hành lần đầu chỉ được tự do chuyển nhượng sau 03 năm theo thời hạn của nhiệm kỳ HĐQT đầu tiên. Trường hợp đặc biệt, cổ đông có nhu cầu chuyển nhượng trước thời hạn 03 năm phải được sự đồng ý của HĐQT.

14.2 *Cổ phiếu phổ thông ghi danh* chỉ được bán sau 1 năm (một năm) khi thôi giữ các chức vụ được quy định tại khoản 13.2.1 điều 13 của bản điều lệ này. Trừ trường hợp có lý do đặc biệt được HĐQT chấp thuận nhưng cũng phải sau thời gian đương nhiệm .

14.3 Việc bán lại cổ phiếu phải được đăng ký vào *Sổ cổ đông* tại trụ sở chính của Công ty; Công ty chấp nhận hay không chấp nhận phải có

thông báo bằng văn bản đến cổ đông có đơn xin bán lại trong vòng 60 ngày kể từ ngày nộp đơn.

14.4 **Cổ phiếu** do Công ty phát hành khi có nhu cầu bán lại, phải ưu tiên bán cho Công ty hoặc các cổ đông trong Công ty, nếu Công ty và các cổ đông trong Công ty không mua thì mới được bán ra bên ngoài Công ty.

14.5 Cổ phiếu là tài sản của cổ đông, được phép dùng vào việc thế chấp cho ngân hàng. Ngân hàng nhận thế chấp chỉ được hưởng quyền lợi cổ đông từ ngày cổ phiếu được chuyển nhượng, hoặc bán cho ngân hàng đã thực hiện thủ tục đăng ký vào sổ cổ đông tại Công ty.

14.6 Ba mươi ngày (30 ngày) trước ngày Đại hội cổ đông không được bán lại cổ phần.

Điều 15. Thừa kế cổ phần

15.1 Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu toàn bộ cổ phần của người đã mất :

- Người thừa kế duy nhất theo luật định.
- Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử 1 đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

15.2 Người thừa kế hợp pháp được đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Điều 16. Phát hành cổ phiếu

16.1 Việc phát hành thêm cổ phiếu chỉ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và phù hợp với pháp luật.

16.2 Cổ phiếu phát hành thêm có giá trị sử dụng khi đã ghi đủ các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành và phải được đăng ký vào sổ cổ đông.

16.3 Phần vốn Nhà nước được giữ lại sau ngày chuyển doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần có thể được bán tiếp theo đề nghị của Đại hội cổ đông và được cấp có thẩm quyền chấp thuận; hoặc cấp có thẩm quyền chủ động yêu cầu Công ty cổ phần thực hiện bán phần vốn của Nhà nước nếu Nhà nước không cần nắm cổ phiếu của Công ty cổ phần. Cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước đề nghị được ưu tiên bán cho Công ty hoặc các cổ đông.

0000
IGT
PHÂN
/ S/
ATE
IA-T.

MỤC III : CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quy định chung về cổ đông

17.1 Cổ đông của Công ty Cổ phần thủy sản Cafatex là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.

17.2 Cổ đông được công nhận *Cổ đông chính thức* khi đã nộp đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông giữ tại Cty.

Riêng đợt phát hành bán cổ phiếu lần đầu :

Đối với Cổ đông bên ngoài không được mua quá 2% vốn điều lệ.

17.3 Người đại diện hợp pháp của cổ đông tại Công ty :

17.3.1 Đối với cổ đông là pháp nhân :

- Là người đại diện vốn Nhà nước.
- Là người đại diện cho các công ty, đơn vị, tổ chức có pháp nhân, người đại diện này có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực hành vi, năng lực pháp lý. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

17.3.2 Đối với cổ đông là thể nhân :

Là người tự đại diện vốn của cá nhân mình, người đại diện này có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp lý, người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

17.3.3 Việc cử đại diện và ủy quyền, cũng như việc thay đổi đại diện của cổ đông phải được thực hiện bằng văn bản gửi Công ty, việc ủy quyền chỉ được thực hiện khi được HĐQT chấp thuận bằng văn bản.

17.3.4 Các cổ đông có thể tự nguyện lập thành nhóm cổ đông, để cử một người làm đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của nhóm cổ đông này bằng văn bản có chữ ký của tất cả các cổ đông trong nhóm gửi Công ty.

17.3.5 Các *Cổ đông pháp nhân* mới được hình thành từ việc sáp nhập, hợp nhất hoặc được kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông pháp nhân cũ hợp pháp. Cổ đông pháp nhân mới phải gửi đầy đủ các văn bản liên quan có hiệu lực pháp lý cho Công ty để thực hiện thủ tục chuyển đổi sở hữu cổ đông theo quy định của bản điều lệ này và theo pháp luật .

Trường hợp cổ đông là pháp nhân giải thể, phá sản thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng hoặc bán cho pháp nhân hoặc thể nhân khác. Việc chuyển nhượng hoặc bán lại phải được thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tại Công ty theo quy định của bản điều lệ này và theo pháp luật.

Điều 18. Quyền lợi cổ đông

18.1 Được chia cổ tức tương ứng tỉ lệ với phần vốn góp theo quyết định của Đại hội cổ đông.

18.2 Được ưu tiên mua cổ phần khi Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu.

18.3 Được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo Điều lệ Công ty và phù hợp với pháp luật. Trường hợp sự mua, bán, chuyển nhượng không hợp pháp hoặc không phù hợp với điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị có quyền hủy bỏ sự mua bán chuyển nhượng ấy.

18.4 Cổ đông là đại diện pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 0,5% (*không phải năm phần trăm*) vốn điều lệ trở lên được ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát Công ty.

18.5 Cổ đông được tham dự Đại hội cổ đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội cổ đông, quyền biểu quyết tương ứng với phần vốn góp; được tham gia ý kiến đóng góp xây dựng phát triển Công ty; được phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

18.6 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần từ 06 tháng trở lên có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội cổ đông bất thường khi :

- + Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính .
- + Có dấu hiệu tham ô hoặc cố ý gây thiệt hại cho Công ty.

18.7 Được cung cấp thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty. Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có liên quan đến quyền lợi của cổ đông (Trừ những bí mật kinh tế, công nghệ).

18.8 Được chia tài sản còn lại (nếu có) khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng với số vốn góp sau khi Công ty thanh toán hết các khoản nợ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông

19.1 Tuân thủ điều lệ Công ty .

19.2 Thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Công ty.

19.3 Chịu trách nhiệm về những khoản lỗ, khoản nợ của Công ty tương ứng với tỉ lệ phần vốn góp.

19.4 Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật kinh tế, kỹ thuật, công nghệ của Công ty.

19.5 Tham gia xây dựng, bảo vệ và phát triển nhãn hiệu Cafatex.

19.6 Không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp Công ty giải thể.

19.7 Các trách nhiệm khác theo quy định của Đại hội cổ đông và pháp luật hiện hành.

Điều 20. Quyền lợi của cổ đông là người lao động tại Công ty

Cổ phiếu ưu đãi bán cho CBCNV tại thời điểm chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần được giảm giá 30% nhưng mệnh giá được xác nhận vẫn là 100.000 đồng trở thành Cổ phiếu phổ thông không ghi danh và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ như các cổ phiếu phổ thông khác.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

MỤC I: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 21. Đại hội cổ đông (được viết tắt là ĐHCĐ)

21.1 Đại hội cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần bao gồm:

1. Đại hội cổ đông thành lập.
2. Đại hội cổ đông thường niên.
3. Đại hội cổ đông bất thường.

21.2 *Đại hội cổ đông được tiến hành khi:*

a) Có số cổ đông tham dự Đại hội đại diện ít nhất 70% vốn điều lệ.

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại tiết a) khoản 21.2 điều này, thì được triệu tập cuộc họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp ĐHCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 60% vốn điều lệ.

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG VÀ BAN KIỂM SOÁT 10/2011

c) Trường hợp triệu tập cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại tiết b) khoản 21.2 điều này, thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp ĐHCĐ triệu tập lần thứ ba được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% vốn điều lệ.

Điều 22. Đại hội cổ đông thành lập

Đại hội Cổ đông thành lập có nhiệm vụ :

- 1) Thảo luận và thông qua Điều lệ Công ty .
- 2) Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát .
- 3) Thông qua phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển Công ty .
- 4) Quyết định bộ máy tổ chức của Công ty .

Điều 23. Đại hội cổ đông thường niên

23.1 Đại hội cổ đông thường niên mỗi năm họp 01 lần, do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập chậm nhất 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

23.2 Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội cổ đông thường niên:

a) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động Công ty, kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư, báo cáo của Ban kiểm soát.

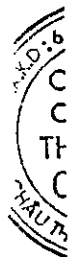
b) Thông qua Quyết toán năm tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập quỹ, sử dụng các quỹ.

c) Quyết định phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới.

d) Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ, gọi vốn cổ phần và phát hành thêm cổ phiếu mới .

e) Quyết định mua lại cổ phiếu đã bán làm cổ phiếu ngân quỹ trong trường hợp Công ty cần mua nhiều hơn 10% ngoài quyền hạn quyết định của HĐQT (quyết định của HĐQT không được mua quá 10% theo điều 32.5 bản điều lệ này)

f) Xem xét các sai phạm (nếu có) và quyết định hình thức xử lý đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.



g) Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong trường hợp hết nhiệm kỳ hoặc bổ sung, thay thế nếu khiếm khuyết.

h) Ấn định mức thù lao, thưởng và các quyền lợi khác (nếu có) của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

i) Thông qua điều lệ bổ sung, sửa đổi (nếu cần).

j) Quyết định các vấn đề cần thiết khác.

Điều 24. Đại hội cổ đông bất thường

Trong trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường cần phải giải quyết khẩn cấp, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường theo yêu cầu của một hoặc một nhóm người sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị .
- Ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị .
- Trưởng Ban kiểm soát .
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên.

Điều 25. Thể thức triệu tập và tiến hành các Đại hội cổ đông

25.1 Thông báo triệu tập bằng văn bản và phải gửi trước cho các cổ đông ít nhất 07 ngày (bảy ngày) trước khi khai mạc Đại hội Cổ đông, kèm theo dự thảo chương trình làm việc.

25.2 Cổ đông hoặc đại diện cổ đông sở hữu từ 1.000 cổ phiếu trở lên được tham dự Đại hội cổ đông.

25.3 Những vấn đề được Chủ tịch Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ đề nghị thì được đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội. Các đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải gửi đến Hội đồng quản trị bằng văn bản 03 ngày trước khi Đại hội khai mạc.

25.4 Ban tổ chức đại hội có nhiệm vụ kiểm tra, xác nhận tư cách đại biểu tham dự Đại hội đúng theo điều lệ này.

25.5 Đại biểu tham dự chính thức các Đại hội cổ đông được tham gia biểu quyết gồm : Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông được xác nhận đủ tư cách đại biểu chính thức tham dự Đại hội .

25.6 Đại hội thành lập do sáng lập viên là đại diện vốn Nhà nước chủ tọa. Đại hội thường niên và bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản

trị chủ tọa hoặc có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị. Riêng Đại hội bất thường do Ban Kiểm soát đề nghị và triệu tập thì Trưởng Ban kiểm soát chủ tọa.

25.7 Đại hội bầu Ban thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội. Số lượng và nhân sự ban thư ký và ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề nghị và được Đại hội thông qua với đa số bằng cách biểu quyết giơ tay.

25.8 Biên bản Đại hội cổ đông được ghi vào sổ *Biên bản Đại hội*, có đủ chữ ký của chủ tọa, thư ký và các kiểm phiếu viên. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị thực hiện.

Điều 26. Việc ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông

26.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được ủy quyền cho đại diện của mình tham dự Đại hội. Trong Đại hội cổ đông thành lập, việc ủy quyền này chỉ được ủy quyền cho các cổ đông trong Công ty.

26.2 Người đại diện không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ Đại hội cổ đông thành lập.

26.3 Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản và trình cho Ban tổ chức đại hội ít nhất 03 ngày trước khi khai mạc Đại hội.

26.4 Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì phải có chữ ký và đóng dấu của đại diện hợp pháp của pháp nhân đó.

26.5 Việc ủy quyền phải được thực hiện *từng lần* tham dự Đại hội. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

26.6 Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị trước khi Đại hội khai mạc.

Điều 27. Thông qua Nghị quyết của Đại hội cổ đông

27.1 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải *bỏ phiếu kín*. Các nội dung khác có thể biểu quyết bằng cách *giơ tay hoặc bỏ phiếu kín* do Đại hội quyết định.

27.2 Nghị quyết Đại hội cổ đông được biểu quyết thông qua bằng cách bỏ phiếu kín hoặc giơ tay tại cuộc họp theo nguyên tắc đối vốn (*mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết*) khi có số cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông đại diện từ 51% vốn điều lệ trở lên chấp thuận.

0003
TY
IÂN
SẢN
EX
I.HAU

MỤC II : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Hội đồng quản trị (được viết tắt là HĐQT)

28.1 HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty giữa 02 kỳ Đại hội. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

28.2 HĐQT có 05 (năm) thành viên do Đại hội cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm với đa số phiếu chiếm 51% vốn điều lệ trở lên theo hình thức bầu trực tiếp bỏ phiếu kín.

Điều 29. Điều kiện ứng cử vào HĐQT

29.1 Là cổ đông hoặc đại diện pháp nhân, sở hữu hoặc đại diện sở hữu ít nhất 0,5% (không phẩy năm phần trăm) vốn điều lệ của Công ty.

29.2 Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.

29.3 Có trình độ học vấn, có năng lực tổ chức quản lý doanh nghiệp, am hiểu ngành nghề của Công ty.

29.4 Có khả năng đóng góp thúc đẩy Công ty phát triển, có nhận thức và hành động bảo vệ lợi ích Công ty, tận tụy hết lòng với công việc, trung thực, có sức khỏe tốt.

Điều 30. Chủ tịch HĐQT

30.1 HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT trong số thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT là người có thẩm quyền cao nhất của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông và HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm Tổng giám đốc.

30.2 *Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây :*

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.
3. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT.
4. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
5. Chủ tọa các phiên họp Đại hội cổ đông.

6. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định phương án chi trả lương, thưởng, thù lao, hoa hồng cho CBCNV và những người ngoài Công ty có tham gia đóng góp đem lại lợi ích cho Công ty; quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty.

8. Đình chỉ quyết định của Tổng giám đốc khi xét thấy trái với Nghị quyết của Đại hội cổ đông, trái pháp luật hoặc trái với bản điều lệ này.

30.3 Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hay mất khả năng thực hiện nhiệm vụ thì có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT thay mặt đảm trách công việc. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản.

Điều 31. Nhiệm kỳ của HĐQT

31.1 Nhiệm kỳ của HĐQT là 03 năm (ba năm). Sau 3 năm các thành viên HĐQT được bầu lại.

31.2 Trong nhiệm kỳ, Đại hội cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên HĐQT mới để đảm nhiệm công việc cho hết nhiệm kỳ.

Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ HĐQT

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây :

1. Quyết định chiến lược phát triển Công ty.
2. Quyết định phương án đầu tư và phát triển Công ty .
3. Kiến nghị ĐHCĐ phát hành thêm *Cổ phiếu mới* và quyết định chào bán cổ phiếu mới đã được ĐHCĐ thông qua; quyết định huy động thêm vốn bằng hình thức phát hành trái phiếu phù hợp quy định pháp luật hiện hành.
4. Quyết định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, công nghệ .
5. Quyết định góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác, mua lại doanh nghiệp khác và quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán.

6. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty.

7. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHCĐ.

8. Kiến nghị ĐHCĐ mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

9. Quyết định chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội cổ đông, triệu tập họp Đại hội cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội cổ đông thông qua quyết định.

10. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

Điều 33. Trách nhiệm của HĐQT sau Đại hội thành lập

Sau Đại hội thành lập, HĐQT có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ tài sản, hồ sơ tài liệu và các công việc còn lại của Ban đổi mới quản lý tại doanh nghiệp. HĐQT chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục còn lại để Công ty cổ phần đi vào hoạt động hợp pháp.

Điều 34. Hoạt động của HĐQT

34.1 HĐQT họp thường kỳ từ 1 đến 3 tháng một lần. Trong mỗi phiên họp phải có ít nhất 4/5 số thành viên. HĐQT quyết định theo nguyên tắc đa số, nếu số thành viên tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định theo bên có Chủ tịch HĐQT.

34.2 HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

34.3 Trường hợp cần thiết, HĐQT có thể họp bất thường theo yêu cầu :

- Của Chủ tịch HĐQT, hoặc của Tổng giám đốc.
- Hoặc của ít nhất 3/5 số thành viên HĐQT.
- Hoặc của Trưởng Ban kiểm soát.

34.4 Chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí quản lý Công ty.

34.5 Chủ tịch HĐQT chủ trì các phiên họp HĐQT, nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt phải ủy quyền cho thành viên HĐQT khác thay thế. Việc ủy quyền phải bằng văn bản.

34.6 Cuộc họp HĐQT phải được ghi đầy đủ vào *Sổ biên bản*. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản họp HĐQT.

Điều 35. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

35.1 *Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:*

1. Bị chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
2. Từ chức.
3. Cổ đông là pháp nhân khi tổ chức của cổ đông pháp nhân bị mất tư cách pháp nhân.
4. Bãi miễn theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
5. Tự ý bỏ nhiệm sở.

35.2 Thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện trong HĐQT phải có đơn gửi HĐQT trong thời hạn 30 ngày, HĐQT phải xem xét; nếu cần thì triệu tập ĐHCĐ bất thường để quyết định.

35.3 Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị miễn nhiệm hoặc bị bãi nhiệm thì HĐQT cử thành viên HĐQT khác thay thế cho đến Đại hội gần nhất, hoặc triệu tập Đại hội bất thường để bầu bổ sung cho đủ số thành viên của HĐQT theo điều lệ này và HĐQT mới bầu lại Chủ tịch mới.

35.4 Trường hợp khuyết 2/5 thành viên HĐQT thì phải triệu tập Đại hội cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 36. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT

Quyền hạn:

36.1 Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT, không ủy quyền cho người khác. Nếu thành viên HĐQT đồng thời là cán bộ, công nhân viên của Công ty thì phải chấp hành sự phân công của Tổng giám đốc.

36.2 Tham dự các phiên họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp.

36.3 Được quyền yêu cầu Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc và các Giám đốc điều hành của Công ty cung cấp các thông tin có liên quan theo chức trách được phân công để thực hiện nhiệm vụ của mình, và có trách nhiệm bảo mật các thông tin được cung cấp; mọi tiết lộ

thông tin gây thiệt hại cho Công ty đều phải chịu trách nhiệm trước HĐQT, cổ đông và trước pháp luật.

Nhiệm vụ :

36.4 Thực hiện nghiêm chỉnh có hiệu quả các nhiệm vụ được phân công.

36.5 Tuyệt đối trung thành với lợi ích Công ty.

36.6 Không được hành động vượt quá quyền hạn được giao. Khi thành viên HĐQT quyết định hoặc hành động vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại đó và phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

37.1 Thành viên HĐQT *không hưởng lương*.

37.2 Thành viên HĐQT không đồng thời là người lao động trong Công ty được thanh toán các khoản chi phí công tác hợp lệ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT; Chế độ chi phí công tác cho các thành viên HĐQT do HĐQT quy định.

37.3 Thành viên HĐQT đồng thời là người lao động trong Công ty thì những ngày thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT vẫn được tính nguyên lương đương chức tại Công ty và các khoản phụ cấp khác.

37.4 Thành viên HĐQT đồng thời hoặc không đồng thời là người lao động trong Công ty đều được hưởng thù lao do ĐHCĐ quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

MỤC III : TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 38. Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại điều 40 Bản điều lệ này, và chịu trách nhiệm trước HĐQT về kết quả quản lý điều hành của Công ty.

Điều 39. Tiêu chuẩn tuyển chọn Tổng giám đốc

1. Có trình độ, năng lực chuyên môn cao phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Trãi qua kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp cùng ngành nghề của Công ty ít nhất 05 năm .
3. Tuyệt đối trung thành vì lợi ích Công ty .
4. Có tính trung thực, tận tụy, nghiêm túc trong công việc, chấp hành pháp luật tốt.
5. Có khả năng đóng góp phát triển Công ty, có sức khỏe tốt, có điều kiện công tác và tự nguyện phục vụ Công ty lâu dài.

Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

40.1 Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty (Trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT).

40.2 Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch HĐQT, và của HĐQT.

40.3 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư phát triển của Công ty.

40.4 Kiến nghị với Chủ tịch HĐQT phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.

40.5 Giúp việc cho Tổng giám đốc có một hoặc các phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các giám đốc chuyên trách cho từng công việc; phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các giám đốc chuyên trách được Tổng giám đốc tuyển chọn, đề nghị Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

40.6 Cán bộ, nhân viên điều hành các phòng, ban, xưởng, đội, tổ thuộc khối quản lý, công nghệ, kiểm nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, thu mua, bán hàng, tiếp thị, kỹ thuật, v.v... do Giám đốc chuyên trách chọn và đề nghị Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm.

40.7 Khen thưởng, kỷ luật, lương và các khoản thù lao khác (nếu có) của Tổng giám đốc do HĐQT quyết định.

40.8 Khen thưởng, kỷ luật, lương và các khoản thù lao khác (nếu có) của phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các giám đốc chuyên trách do Tổng giám đốc đề nghị Chủ tịch HĐQT quyết định.

40.9 Khen thưởng, kỷ luật, lương của Cán bộ, nhân viên điều hành các phòng, ban, xưởng, đội, tổ thuộc khối quản lý, công nghệ, kiểm



nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, thu mua, bán hàng, tiếp thị, kỹ thuật, v.v... do Giám đốc chuyên trách đề nghị Tổng giám đốc quyết định.

40.10 Công nhân sản xuất, phục vụ sản xuất hưởng lương sản phẩm do Giám đốc chuyên trách đề nghị Tổng giám đốc bố trí.

40.11 Khen thưởng, kỷ luật, lương của công nhân sản xuất, phục vụ sản xuất hưởng lương theo sản phẩm làm ra theo nhóm hoặc cá nhân; Đơn giá lương sản phẩm do Giám đốc chuyên trách đề nghị Tổng giám đốc quyết định.

40.12 Tổng giám đốc quyết định chi trả lương, thưởng từng chức danh cho lãnh đạo các cấp và công nhân theo hiệu quả sản xuất và công tác của từng người trên cơ sở phương án lương, thưởng đã được Chủ tịch HĐQT thông qua.

40.13 Tuyển dụng, thuê mướn, bố trí sử dụng lao động, khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động theo quy định của Bộ luật lao động.

40.14 Có quyền từ chối thực hiện các quyết định của Chủ tịch HĐQT hay các thành viên HĐQT nếu thấy trái với Điều lệ, trái với Nghị quyết Đại hội Cổ đông, trái với pháp luật, đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay cho các kiểm soát viên.

40.15 Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố,... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT.

40.16 Có trách nhiệm giữ gìn và bảo mật các thông tin, tài liệu mật của Công ty, mọi tiết lộ thông tin gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật.

40.17 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của HĐQT và của bản điều lệ này.

Điều 41. Ủy quyền - Ủy nhiệm

41.1 Tổng giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc hoặc người khác trong Công ty thay mặt giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền của mình.

41.2 Người được Tổng giám đốc ủy quyền chỉ được thực hiện công việc theo đúng sự ủy quyền, và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện công việc được ủy quyền; Và

không được ủy quyền, ủy nhiệm lại cho người khác. Phần thực hiện vượt quá phạm vi và nội dung ủy quyền không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của Công ty, mà người được ủy quyền phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

41.3 Mọi sự ủy quyền đều phải lập thành văn bản.

Điều 42. Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách

42.1 Khi Tổng giám đốc từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải tiến hành xem xét và quyết định.

42.2 Tổng giám đốc *đương nhiên mất tư cách* khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Chết, mất trí, mất quyền công dân, hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật.

b) Tự ý bỏ nhiệm sở.

42.3 Trường hợp Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách, HĐQT phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn 30 ngày, HĐQT phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

MỤC IV : BAN KIỂM SOÁT

Điều 43. Ban kiểm soát

43.1 Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, đầu tư, quản lý và điều hành Công ty.

43.2 Ban kiểm soát có 5 người do Đại hội cổ đông bầu và bãi miễn với đa số phiếu, bằng hình thức *trực tiếp và bỏ phiếu kín*.

43.3 Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông của Công ty, sở hữu hoặc đại diện sở hữu ít nhất 0,5% vốn điều lệ của Công ty; Trưởng ban kiểm soát được Ban kiểm soát bầu.

43.4 Sau phiên họp Đại hội cổ đông thành lập, Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty.

Điều 44. Tiêu chuẩn lựa chọn kiểm soát viên

44.1 Kiểm soát viên phải có trình độ Đại học trở lên, phải có kiến thức về kỹ thuật, công nghệ, và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty,

trong đó ít nhất phải có một thành viên có chuyên môn về kế toán, am hiểu nghiệp vụ quản lý tài chính - kế toán.

44.2 Kiểm soát viên không được đồng thời là thành viên của HĐQT, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; không là vợ, chồng hoặc người thân thuộc trực hệ 3 đời của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

Điều 45. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên

45.1 Nhiệm kỳ của kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ với thành viên HĐQT và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.

45.2 Trong nhiệm kỳ có khiếm khuyết kiểm soát viên thì Đại hội cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

Điều 46. Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách kiểm soát viên

46.1 Trưởng ban kiểm soát từ chức, kiểm soát viên từ nhiệm đều phải làm đơn gửi HĐQT.

46.2 Kiểm soát viên bị mất tư cách khi vi phạm một trong các trường hợp như đối với thành viên HĐQT.

46.3 Trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát thì số kiểm soát viên còn lại cử người thay thế.

46.4 Trường hợp khuyết kiểm soát viên có nghiệp vụ về tài chính kế toán, HĐQT phải tạm thời cử người thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 47. Nhiệm vụ quyền hạn của Ban kiểm soát

47.1 Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc.

47.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

47.3 Thẩm định báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên.

47.4 Trình Đại hội cổ đông báo cáo thẩm tra bảng Tổng kết năm tài chính. Báo cáo với Đại hội cổ đông về những sự kiện tài chính bất thường (nếu có).

47.5 Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội cổ đông.

47.6 Báo cáo Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, tính hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

47.7 Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

47.8 Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ trường hợp Đại hội cổ đông quyết định khác.

47.9 Trưởng Ban kiểm soát có quyền đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong trường hợp phát hiện những sai phạm nghiêm trọng.

47.10 Việc kiểm tra không được gây cản trở cho hoạt động của HĐQT, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

47.11 Các kiểm soát viên không được tiết lộ bí mật của Công ty, Ban kiểm soát và từng kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về những sai phạm của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gây thiệt hại cho Công ty.

47.12 Trưởng Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên được phân công tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến, kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản họp và trực tiếp báo cáo cho Ban kiểm soát, ĐHCĐ gần nhất.

47.13 Kiểm soát viên hưởng thù lao theo quyết định của ĐHCĐ. Chi phí cho hoạt động của kiểm soát viên được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty. Trường hợp kiểm soát viên đồng thời là người lao động trong Công ty thì ngoài việc hưởng thù lao theo quy định, những ngày làm nhiệm vụ kiểm soát viên được tính lương như ngày làm việc chuyên môn.

CHƯƠNG V CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 48. Chế độ và quyền lợi của người lao động

48.1 *Chế độ tuyển dụng:*

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

48.2 *Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty:*

a) Người lao động đang làm việc cho doanh nghiệp Nhà nước theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang Công ty cổ phần sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động.

b) Khi chuyển sang Công ty cổ phần, mọi chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo pháp luật được Công ty cổ phần tiếp tục thực hiện.

c) Sau 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp chuyển thành Công ty cổ phần; nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động, kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động này được giải quyết theo Mục 6-Điều 27 Nghị định 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính phủ.

48.3 Các nội dung khác liên quan đến người lao động không ghi trong bản điều lệ này được thực hiện theo Bộ luật lao động hiện hành.

CHƯƠNG VI

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 49. Hạch toán

49.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

49.2 Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán thống kê hiện hành.

49.3 Cuối năm tài chính, HĐQT xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội cổ đông:

- Bảng cân đối kế toán của Công ty.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo kế toán - tài chính.
- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối năm tài chính.

Các bảng Báo cáo này phải được gửi đến các thành viên HĐQT, kiểm soát viên ít nhất trước 15 ngày của kỳ Đại hội thường niên.

49.4 Sau Đại hội, các văn bản, biên bản Đại hội cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty theo luật định.

Điều 50. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

50.1 Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành đối với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:

- Lợi nhuận chung = Tổng doanh thu - Tổng chi phí
- Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - Thuế
- Tổng thu nhập = Lợi nhuận ròng + Khấu hao

50.2 Trước khi chia cổ tức cho các cổ đông, Công ty phải trích lập các quỹ:

a. *Quỹ dự trữ bắt buộc*: ít nhất bằng 5% lợi nhuận ròng để bổ sung vốn điều lệ và để dự trữ tài chính cho năm sau cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ.

b. *Các quỹ khác* do HĐQT trình Đại hội cổ đông quyết định :

- Quỹ đầu tư phát triển.
- Quỹ khen thưởng hàng năm cho CBCNV với mức từ 1 tháng đến 3 tháng tiền lương bình quân trong năm.
- Quỹ Giám đốc khen thưởng thường xuyên cho CBCNV đạt hiệu quả cao, tổng mức không quá 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát, tổng mức không quá 1% lợi nhuận sau thuế.

50.3 Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận:

- Quỹ bảo hành sản phẩm.
- Quỹ khấu hao tài sản cố định.
- Quỹ khấu hao sửa chữa lớn.
- Quỹ mất việc làm.
- Quỹ giảm giá hàng tồn kho.

50.4 HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các Quỹ để trình Đại hội cổ đông quyết định cho từng năm tài chính.

50.5 Tùy tình hình thực tế, HĐQT có thể chi cổ tức cho các cổ đông vào cuối năm tài chính, *chia hoặc không chia cổ tức* cho các cổ đông (do Đại hội cổ đông quyết định). Số Cổ tức được chia cho các cổ đông theo tỉ lệ phần vốn góp.

Điều 51. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau; đồng thời Đại hội cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG VII GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG

Điều 52. Giải thể

Công ty giải thể trong các trường hợp sau đây:

52.1 Thua lỗ đến 75% vốn điều lệ, trong trường hợp này mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập Đại hội cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty.

52.2 Hết thời hạn hoạt động theo Điều lệ của Công ty mà Đại hội cổ đông không quyết định gia hạn.

Điều 53. Thanh lý

53.1 Khi có quyết định giải thể hoặc phá sản Công ty, Đại hội cổ đông lập Hội đồng thanh lý thay thế HĐQT cùng kiểm soát viên làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo luật pháp hiện hành.

53.2 Trong thời hạn thanh lý, Ban thanh lý có quyền triệu tập các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, các Giám đốc chuyên trách, Kế toán trưởng, cán bộ, nhân viên quản lý điều hành các cấp đến làm việc. Trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập Đại hội cổ đông bất thường.

Điều 54. Phá sản

Trong trường hợp bất khả kháng như: Thiên tai, chiến tranh, khủng hoảng kinh tế kéo dài, ... việc phá sản Công ty được thực hiện theo Luật phá sản Công ty.

Điều 55. Tố tụng - Tranh chấp

55.1 Tổng giám đốc Công ty là người đại diện Công ty trước pháp luật.

55.2 Công ty cổ phần thủy sản Cafatex có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng tranh chấp.

55.3 Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty theo luật pháp hiện hành.

13.00
ONG
PH
Y
FAI
VHA-

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 56. Điều khoản thi hành

Công ty được chính thức hoạt động khi Đại hội cổ đông thành lập hoàn thành các thủ tục sau đây:

56.1 Xác nhận danh sách cổ đông đã mua hết số cổ phần phát hành và đã đóng hoặc cam kết đóng đủ tiền hoặc có ngân hàng (hoặc công ty tài chính) bảo lãnh bán hết số cổ phần còn lại.

56.2 Đã bầu HĐQT, Ban kiểm soát và cử Tổng giám đốc.

56.3 Đại hội cổ đông đã chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong Điều lệ Công ty.

56.4 Đã giao quyền quản trị Công ty cho HĐQT.

56.5 Hoàn tất các thủ tục đối với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Thông báo

Mọi thông báo hoặc tài liệu được Công ty phát hành và chuyển trực tiếp đến cổ đông hoặc qua bưu điện đến địa chỉ mà cổ đông đã đăng ký với Công ty. Khi cần chứng minh, Công ty xuất trình phiếu ký nhận hồi đáp của bưu điện.

Điều 58. Con dấu

58.1 Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định của Nhà nước, được đăng ký quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật. Con dấu của Công ty được đóng trên các cổ phiếu, chứng từ tài chính, các văn bản, giấy tờ giao dịch của Công ty.

58.2 Không được sử dụng con dấu đóng trên bất kỳ văn bản nào nếu không có chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc người được ủy quyền.

Điều 59. Đăng ký điều lệ

Bản điều lệ này gồm 8 chương, 59 điều, được Đại hội cổ đông thành lập *Công ty cổ phần thủy sản Cafatex* thông qua và chấp thuận toàn bộ vào ngày 27 tháng 04 năm 2004

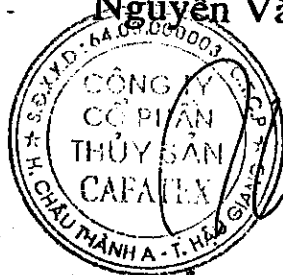
Điều lệ được lập thành 09 bản có giá trị như nhau, trong đó:

- 05 bản đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh.
- 04 bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Các bản chính và bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và đóng dấu giáp lai mới có giá trị.

Hậu Giang, ngày 27 tháng 04 năm 2004

Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Văn Kịch



Các Ủy viên HĐQT:

1) Tô Việt Khải

2) Lâm Thanh Hải

3) Võ Đình Biên

4) Huỳnh Thành Được